TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 8 - 2023.
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Cúc.
2. Ông Lê Văn Mỳ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Kỷ Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023, về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1983;

Nơi đăng ký thường trú: tổ 4, ấp 6, xã T, huyện V, tỉnh Đ

Nơi cư trú: 38/12, ấp 3, xã T, huyện V, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Ông Trần Minh T, sinh năm 1983;

Nơi cư trú: tổ 4, ấp 6, xã T, huyện V, tỉnh Đ.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày:*

Bà và ông T tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng

thường xuyên bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, cả hai không hợp tính tình, không tìm được tiếng nói chung dẫn tới gia đình bất hòa, thường xuyên cãi vã. Ông T không chăm lo gia đình, thường xuyên ăn nhậu về nhà kiếm chuyện, gây sự, đánh đập bà, hai vợ chồng đã tìm cách giải quyết nhưng không có kết quả. Bà và ông T hiện nay đã ly thân với nhau, vợ chồng không còn tình cảm, không còn sự quan T, chăm sóc nhau nữa. Bà xác định mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung tên Trần Nguyễn Bảo Tr, sinh ngày 07/9/2004 và Trần Nguyễn Uyên T1, sinh ngày 05/8/2011. Ly hôn, đối với cháu Tr đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết, đối với cháu T1 bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Theo đơn khởi kiện bà yêu cầu ông T cấp dưỡng là 1.000.000đ/tháng. Ngày 15/5/2023 bà thay đổi yêu cầu về cấp dưỡng, bà không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Trần Minh T đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc và cung cấp lời khai.*

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định Bộ luật tố Tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự. Bị đơn không đến Tòa án làm việc gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông T trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Nguyễn Bảo Tr, sinh ngày 07/9/2004 và Trần Nguyễn Uyên T1, sinh ngày 05/8/2011. Ly hôn đối với cháu Tr đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết, đối với cháu T1 giao cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng bà N không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

- Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông T cư trú tại xã T, huyện V, tỉnh Đ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện đăng ký kết hôn có giấy chứng nhận kết hôn năm 2003. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà N khởi kiện ly hôn nên Tòa án áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông T xảy ra từ năm 2022 đến nay, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, không chăm lo cuộc sống gia đình, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Hai vợ chồng đã tìm cách hòa giải, khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả; hiện nay đã ly thân vợ chồng không còn quan T, chăm sóc nhau.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định nhưng ông T vắng mặt, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và không tham gia tố tụng tại phiên tòa, chứng tỏ ông T không quan T đến quan hệ hôn nhân của mình.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì giữa bà N và ông T có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân đúng như bà N đã trình bày.

Từ những nhận định trên, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông T là có thật, đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn có sự quan T, chăm sóc nhau, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà N, bà N được ly hôn với ông T.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Nguyễn Bảo Tr, sinh ngày 07/9/2004 và Trần Nguyễn Uyên T1, sinh ngày 05/8/2011. Ly hôn, đối với cháu Tr đã trưởng thành bà N không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết. Đối với cháu T1 bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không cung cấp ý kiến về phần này. Hiện nay bà N có đi làm, có thu nhập, nguyện vọng của cháu T1 mong muốn được sống chung với bà N. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, giao cháu T1 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con bà N không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, ông T được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà N khai không có, nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N khởi kiện về ly hôn nên phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân dân sự;

- Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

- Điều 39 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn đối với ông Trần Minh T.

- Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Uyên T1, sinh ngày 05/8/2011 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, ông T được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí nguyên

đơn đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005118 ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

3. Bản án được thi hành theo quy định tại các Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, lưu trữ cơ quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Đại